

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/10/2021

*V/v Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con và cấp dưỡng*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.

**- *Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2021; Thông báo số 102/2021/TB-TA ngày 20/7/2021 về việc không xét xử vụ án; Thông báo số 24/2021/TB-TA ngày 31/8/2021 về việc tiếp tục xét xử vụ án; Thông báo số 113/2021/TB-TA ngày 16/9/2021 về việc dời ngày xét xử; Thông báo số 37/2021/TB-TA ngày 30/9/2021 về việc dời ngày xét xử giữa các đương sự:

**- *Nguyên đơn:*** Chị Thạch Thị Xà P, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- *Bị đơn:*** Anh Trần Sà Rl, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp A, xã H, thị VC, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2021 (BL01), cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Xà P trình bày:* Vào năm 2011 chị Thạch Thị Xà P và anh Trần Sà Rl có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày

28/02/2011. Sau cưới chị P về làm dâu bên nhà chồng tại số nhà 286, ấp A, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng, đến năm 2018 thì chị P bỏ anh Rl về nhà cha mẹ ruột của chị P để sinh sống cho đến nay do hai người bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau, do anh Rl vô trách nhiệm với vợ con, nên đến cuối năm 2018 thì hai người ly thân cho đến nay. Trong quá trình chung sống với nhau có 02 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 11/02/2012 (nữ); Trần Bảo N1, sinh ngày 03/5/2016 (nữ) hiện đang do chị P nuôi dưỡng; Về sản chung tự thỏa thuận với nhau, nợ chung không có.

Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh Rl. Về con chung: Tùy nguyện vọng của cháu Trần Bảo N, sinh ngày 11/02/2012 (nữ) muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu N muốn sống với cha, chị P không phản đối và chị P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu N đủ 18 tuổi, nếu cháu N muốn sống với chị P thì chị P đồng ý nuôi dưỡng cháu N đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Rl phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Bảo N1, sinh ngày 03/5/2016 (nữ), chị P yêu cầu được nuôi cháu N1 đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Rl phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Rl nhưng anh Rl không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị P, đồng thời anh Rl cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh Rl. Về con chung: Giao con chung Trần Bảo N, sinh ngày 11/02/2012 (nữ); Trần Bảo N1, sinh ngày 03/5/2016 (nữ) cho chị P nuôi dưỡng đến khi các cháu N, N1 đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu Trần Bảo N, nếu cha mẹ cháu N không còn chung sống với nhau, cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh Rl phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh R1, nhưng anh R1 vẫn vắng mặt không có lý do, chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị P và anh R1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Xà P, nhận thấy hôn nhân của chị P và anh R1 là tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2011. Quan hệ hôn nhân của chị P và anh R1 không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị P nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh R1 nên có nguyện vọng ly hôn. Chị P và anh R1 đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh R1.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị P và anh R1 có 02 người con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 11/02/2012 (nữ); Trần Bảo N1, sinh ngày 03/5/2016 (nữ) hiện đang do chị P nuôi dưỡng. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N1, sinh ngày 03/5/2016 (nữ) đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Đối với cháu Trần Bảo N, sinh ngày 11/02/2012 (nữ) muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu N muốn sống với cha, chị P không phản đối và chị P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu N đủ 18 tuổi, nếu cháu N muốn sống với chị P thì chị P đồng ý nuôi dưỡng cháu N đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh R1 phải cấp dưỡng nuôi con và cũng theo nguyện vọng của cháu Trần Bảo N, nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu N, cháu N1 không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị P. Xét thấy, chị P hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh R1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị P khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị P khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Xà P đối với bị đơn anh Trần Sà Rl.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Xà P được ly hôn với anh Trần Sà Rl.

- Về con chung: Giao con chung Trần Bảo N, sinh ngày 11/02/2012 (nữ); Trần Bảo N1, sinh ngày 03/5/2016 (nữ) cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu Bảo N, Bảo N1 đủ 18 tuổi.

Anh Trần Sà Rl không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Rl có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh Rl không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Bảo N, Trần Bảo N1 của chị P, thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị P khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị P khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Thạch Thị Xà P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0009323, ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Trần Sà Rl không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- UBND xã Đ, TP Bạc Liêu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Chiêu Hùng**